

Số: 350/QĐ-HHTM

Cần Thơ, ngày 18 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kết quả tuyển dụng viên chức năm 2025

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU TP. CẦN THƠ

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 4 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ Nội vụ về việc ban hành nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 1157/QĐ-SYT ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Sở Y tế thành phố Cần Thơ về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Huyết học - Truyền máu thành phố Cần Thơ;

Căn cứ kế hoạch số 416/KH-HHTM ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Bệnh viện Huyết học - Truyền máu thành phố Cần Thơ về kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2025;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2025 của Bệnh viện Huyết học - Truyền máu.

QUYẾT ĐỊNH:

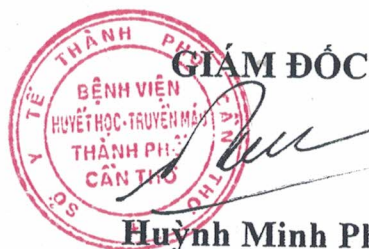
Điều 1. Phê duyệt kết quả kỳ tuyển dụng viên chức năm 2025 của Bệnh viện Huyết học - Truyền máu thành phố Cần Thơ (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao Hội đồng tuyển dụng viên chức Bệnh viện Huyết học - Truyền máu thông báo công khai kết quả tuyển dụng viên chức và thông báo kết quả trúng tuyển bằng văn bản đến người dự tuyển.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng tuyển dụng viên chức Bệnh viện Huyết học - Truyền máu thành phố Cần Thơ và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc BV;
- Các thí sinh dự tuyển;
- Lưu: VT, TCHC.


GIÁM ĐỐC
Huỳnh Minh Phú

DANH SÁCH
KẾT QUẢ KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2025
CỦA BỆNH VIỆN HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU THÀNH PHỐ CẦN THƠ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 350/QĐ-HHTM) ngày 18/11/2025 của BVHHTMCT)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Vị trí dự tuyển	Chuyên môn nghiệp vụ tại phiếu		Điểm văn đáp (Vòng 2)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ			Trình độ đào tạo	Chuyên ngành				
I	BÁC SĨ HẠNG III											
1	BS07	Ngô Ngọc Phúc		20/01/2000	Tân An, Ninh Kiều, Cần Thơ	Bác sĩ hạng III	Đại học	Bác sĩ y khoa	90,0		90,0	Trúng tuyển
2	BS12	Đỗ Thị Cẩm Tiên		13/07/2001	Xã Thập Mười, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ hạng III	Đại học	Bác sĩ y khoa	81,3		81,3	Trúng tuyển
3	BS03	Đoàn Thị Cẩm Hà		11/06/2001	Tổ 13, ấp Long Thạnh, xã Phước Lý, tỉnh Tây Ninh	Bác sĩ hạng III	Đại học	Bác sĩ y khoa	76,0		76,0	Trúng tuyển
4	BS10	Lại Hoàng Thúc	25/08/2000		Xã Trường Long, TPCT	Bác sĩ hạng III	Đại học	Bác sĩ y khoa	64,0		64,0	Trúng tuyển
5	BS11	Nguyễn Minh Thùy		21/09/1999	Hà Nam	Bác sĩ hạng III	Đại học	Bác sĩ y khoa	56,0	5	61,0	Trúng tuyển
6	BS06	Nguyễn Thị Kim Ngân		12/02/2000	Cần Thơ	Bác sĩ hạng III	Đại học	Bác sĩ y khoa	50,5		50,5	Không trúng tuyển
7	BS09	Ngô Ngọc Hoàng Thơ		28/06/2001	Ấp C1, xã Thạnh An, TPCT	Bác sĩ hạng III	Đại học	Bác sĩ y khoa	38,5		38,5	Không trúng tuyển
8	BS02	Dương Hà Giang		04/04/1999	Thị trấn Thiên Cẩm, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Bác sĩ hạng III	Đại học	Bác sĩ y khoa	16,0		16,0	Không trúng tuyển
II	ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III											
1	ĐD03	Nguyễn Trọng Hiến	17/02/2001		Xã Phong Điền, TPCT	Điều dưỡng hạng III	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	91,0	5	96,0	Trúng tuyển
2	ĐD04	Phạm Thị Diễm My		01/01/1995	Tân Bình, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Điều dưỡng hạng III	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	95,7		95,7	Trúng tuyển
3	ĐD08	Hồ Thị Anh Thi		19/01/1995	Xã Tân Quới, tỉnh Vĩnh Long	Điều dưỡng hạng III	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	95,7		95,7	Trúng tuyển
4	ĐD02	Nguyễn Thị Thúy Ái		13/04/1995	Phường Hưng Phú, TPCT	Điều dưỡng hạng III	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	88,7		88,7	Trúng tuyển
5	ĐD10	Dương Thị Thanh Thúy		23/05/1990	Trung An, Vũng Liêm, Vĩnh Long	Điều dưỡng hạng III	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	86,3		86,3	Trúng tuyển
6	ĐD12	Võ Thị Tư		10/05/1988	Vĩnh Xuân, Vĩnh Long	Điều dưỡng hạng III	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	83,0		83,0	Trúng tuyển
7	ĐD11	Trần Thị Thanh Trúc		14/10/1987	Phong Điền, Cần Thơ	Điều dưỡng hạng III	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	80,7		80,7	Trúng tuyển

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Vị trí dự tuyển	Chuyên môn nghiệp vụ tại phiếu		Điểm văn đáp (Vòng 2)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ			Trình độ đào tạo	Chuyên ngành				
8	ĐD06	Phan Thị Tuấn Nhi		20/10/1994	Ấp 8, xã Xà Phiên, TPCT	Điều dưỡng hạng III	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	73,3		73,3	Trúng tuyển
9	ĐD01	Huỳnh Thị Ngọc Ái		13/03/2003	Ấp Ninh Hòa, xã Ninh Quới, tỉnh Cà Mau	Điều dưỡng hạng III	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	70,3		70,3	Trúng tuyển
10	ĐD09	Phan Minh Thoại	29/09/2002		160A, ấp An Bình, xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	Điều dưỡng hạng III	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	60,7		60,7	Trúng tuyển
11	ĐD07	Phạm Nhật Tâm	21/06/1999		Khóm 3, Thị trấn Thới Bình, xã Thới Bình, tỉnh Cà Mau	Điều dưỡng hạng III	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	51,7		51,7	Trúng tuyển
12	ĐD05	Nguyễn Thị Thanh Nhi		28/04/2000	Xã Phụng Hiệp, TPCT	Điều dưỡng hạng III	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	51,0		51,0	Không trúng tuyển
13	ĐD13	Nguyễn Hạnh Hải Yến		17/05/2003	Ấp Tân An, xã Tân Long Hội, tỉnh Vĩnh Long	Điều dưỡng hạng III	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	49,3		49,3	Không trúng tuyển
III ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV												
1	CD03	Ung Thị Như Thắm		08/07/1995	Phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Điều dưỡng hạng IV	Cao đẳng	Điều dưỡng đa khoa	96,3		96,3	Trúng tuyển
2	CD02	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		19/12/1994	Tân An, Vĩnh Long	Điều dưỡng hạng IV	Cao đẳng	Điều dưỡng đa khoa	89,0		89,0	Trúng tuyển
3	CD04	Đặng Thị Cẩm Tú		01/01/1991	Hiếu Thành, Vĩnh Long	Điều dưỡng hạng IV	Cao đẳng	Điều dưỡng đa khoa	85,7		85,7	Trúng tuyển
4	CD05	Huỳnh Thị Bích Tuyền		02/08/1993	42/86, tổ 4, ấp An Thạnh 3, xã Phú Hữu, tỉnh Đồng Tháp	Điều dưỡng hạng IV	Cao đẳng	Điều dưỡng đa khoa	80,7		80,7	Trúng tuyển
5	CD01	Phan Vũ Hoàng	23/02/1999		Cần Thơ	Điều dưỡng hạng IV	Cao đẳng	Điều dưỡng đa khoa	78,3		78,3	Trúng tuyển
IV KỸ THUẬT Y HẠNG III												
1	XN49	Thạch Thị Thúy		05/06/2000	Vĩnh Long	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	97,0	5	102,0	Trúng tuyển
2	XN27	Trần Hữu Nghĩa	25/04/1994		Kv5, phường Ô Môn, TPCT	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	97,5		97,5	Trúng tuyển
3	XN19	Nguyễn Hữu Hiền	12/01/1993		Xã Nhơn Ái, TPCT	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	97,0		97,0	Trúng tuyển
4	XN29	Phạm Võ Trường Anh Nguyệt		06/08/1995	Xã Định Mỹ, tỉnh An Giang	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	96,8		96,8	Trúng tuyển
5	XN51	Nguyễn Thị Bích Thúy		27/01/1999	Ấp Long Thạnh, phường Long Phú 1, TPCT	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	96,3		96,3	Trúng tuyển
6	XN57	Lâm Hoàng Xuyên	06/07/1994		Ấp Xóm Chòi, xã Trà Cú, tỉnh Vĩnh Long	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	94,7		94,7	Trúng tuyển
7	XN45	Đỗ Thị Kim Thoa		12/01/1997	Ấp Ngã Chánh, xã Hiếu Thành, tỉnh Vĩnh Long	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	94,0		94,0	Trúng tuyển

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Vị trí dự tuyển	Chuyên môn nghiệp vụ tại phiếu		Điểm văn đáp (Vòng 2)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ			Trình độ đào tạo	Chuyên ngành				
8	XN30	Lâm Trọng Nhân	15/09/2000		Khóm 2, phường Láng Tròn, tỉnh Cà Mau	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	88,5		88,5	Trúng tuyển
9	XN11	Nguyễn Tuấn Đạt	20/01/1997		Khóm Sa Giang, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	86,7		86,7	Trúng tuyển
10	XN16	Trần Hoài Hận	07/07/2000		Xã Tân Phú Trung, tỉnh Đồng Tháp	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	85,3		85,3	Trúng tuyển
11	XN41	Trần Thị Thanh Thanh		23/10/1997	Cần Thơ	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	84,7		84,7	Trúng tuyển
12	XN36	Dương Hoài Niệm	12/03/1992		Thuận An, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	84,0		84,0	Không trúng tuyển
13	XN07	Nguyễn Thị Ngọc Bích		11/01/1993	Xã An Ngãi Trung, tỉnh Vĩnh Long	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	83,0		83,0	Không trúng tuyển
14	XN43	Thạch Thị Sơn Thê		22/09/2001	Ấp Ngải Lộ B, Trà Côn, Trà Ôn, Vĩnh Long	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	77,7	5	82,7	Không trúng tuyển
15	XN52	Nguyễn Trung Tính	03/10/1999		Thạnh Hòa, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	82,7		82,7	Không trúng tuyển
16	XN40	Nguyễn Thị Nhà Quyên		02/04/1994	512A/3 xã Phong Hòa, tỉnh Đồng Tháp	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	81,7		81,7	Không trúng tuyển
17	XN32	Võ Thị Huỳnh Nhi		06/03/2000	225/3, Phụng Đức B, xã Phú Phụng, tỉnh Vĩnh Long	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	78,5		78,5	Không trúng tuyển
18	XN47	Dương Minh Thuận	06/09/1994		Vĩnh Long	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	78,3		78,3	Không trúng tuyển
19	XN42	Trương Thị Lê Thanh		21/02/2002	Phường Long Đức, tỉnh Vĩnh Long	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	77,3		77,3	Không trúng tuyển
20	XN10	Nguyễn Lâm Hương Đăng		28/08/2002	Cần Thơ	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	76,7		76,7	Không trúng tuyển
21	XN58	Nguyễn Thị Ngọc Yến		03/08/1993	Xã Mỹ Thiện, tỉnh Đồng Tháp	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	75,3		75,3	Không trúng tuyển
22	XN37	Võ Thị Như Oanh		04/03/1996	183 Nhật Tảo, phường Cái Răng, TPCT	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	74,0		74,0	Không trúng tuyển
23	XN22	Dương Hoài Lang	27/07/1990		Xã Phong Thạnh, tỉnh Cà Mau	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	73,0		73,0	Không trúng tuyển
24	XN09	Võ Thị Diễm Chi		02/02/1998	Long Hòa, Bình Thủy, TPCT	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	72,7		72,7	Không trúng tuyển
25	XN50	Nguyễn Phương Thùy		15/06/2000	Long Bình, Phú Quới, tỉnh Vĩnh Long	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	70,7		70,7	Không trúng tuyển
26	XN15	Đặng Huỳnh Gia Hân		01/09/2001	Xã Phụng Hiệp, TPCT	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	70,3		70,3	Không trúng tuyển
27	XN21	Phan Trung Hiếu	09/02/2001		Khóm 3, phường Láng Tròn, tỉnh Cà Mau	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	69,0		69,0	Không trúng tuyển
28	XN26	Lê Thị Phương Nghi		24/04/2002	Cần Thơ	Kỹ thuật y hạng III	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	68,0		68,0	Không trúng tuyển

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Vị trí dự tuyển	Chuyên môn nghiệp vụ tại phiếu		Điểm văn đáp (Vòng 2)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ			Trình độ đào tạo	Chuyên ngành				
1	KT09	Nguyễn Châu Thi		25/10/1983	Tân An, Ninh Kiều, Cần Thơ	Kế toán viên hạng III	Đại học	Tài chính - tín dụng	88,0		88,0	Trúng tuyển
2	KT01	Phạm Trung Anh		27/05/1992	Xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Kế toán viên hạng III	Đại học	Kế toán tổng hợp	63,8		63,8	Không trúng tuyển
3	KT03	Nguyễn Đoàn Phượng Hằng		03/08/1991	Đại Thành, Ngã Bảy, Hậu Giang	Kế toán viên hạng III	Đại học	Tài chính ngân hàng	63,0		63,0	Không trúng tuyển
4	KT04	Lê Thị Kim Ngân		20/03/1998	Phường Chi Lăng, tỉnh An Giang	Kế toán viên hạng III	Đại học	Kế toán	61,7		61,7	Không trúng tuyển
5	KT08	Lâm Thị Hồng Thi		13/07/1989	Long Tuyền, Bình Thủy, Cần Thơ	Kế toán viên hạng III	Đại học	Quản trị tài chính kế toán	53,3		53,3	Không trúng tuyển
6	KT06	Lê Thị Kim Ngọc		20/04/1986	Cần Thơ	Kế toán viên hạng III	Đại học	Kế toán tổng hợp	44,0		44,0	Không trúng tuyển
7	KT07	Nguyễn Thị Lệ Như		11/11/1985	Tân Bình, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Kế toán viên hạng III	Đại học	Kế toán	35,5		35,5	Không trúng tuyển
8	KT05	Huỳnh Kim Ngọc		16/09/1987	An Phong, Thanh Bình, Đồng Tháp	Kế toán viên hạng III	Đại học	Kế toán	33,7		33,7	Không trúng tuyển
9	KT02	Lê Thị Kim Hằng		14/01/1991	An Thuận, Hội An, An Giang	Kế toán viên hạng III	Đại học	Tài chính ngân hàng	Không tham gia		Không tham gia	Không tham gia
10	KT10	Phạm Thị Yên		12/11/1987	Xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp	Kế toán viên hạng III	Đại học	Kế toán	Không tham gia		Không tham gia	Không tham gia
VI CHUYÊN VIÊN VỀ TÀI CHÍNH												
1	CV04	Nguyễn Thành Trung	20/07/1976		Xã Trường Khánh, TPCT	Chuyên viên tài chính	Đại học	Quản trị kinh doanh	98,7		98,7	Trúng tuyển
2	CV01	Cao Thị Kỳ Anh		25/06/2001	Long Phú, thị xã Long Mỹ, Hậu Giang	Chuyên viên tài chính	Đại học	Quản trị kinh doanh	35,0		35,0	Không trúng tuyển
3	CV05	Lê Thị Hồng Vân		18/05/2001	Xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Chuyên viên tài chính	Đại học	Quản trị kinh doanh	34,3		34,3	Không trúng tuyển
4	CV03	Huỳnh Thị Huỳnh Như		28/03/1998	Số nhà 42, ấp 9A, xã Phong Hiệp, huyện Phước Long, tỉnh Cà Mau	Chuyên viên tài chính	Đại học	Quản trị kinh doanh	25,7		25,7	Không trúng tuyển
5	CV02	Trần Đức Huy	19/11/1995		Nhon Nghĩa, Phong Điền, TPCT	Chuyên viên tài chính	Đại học	Quản trị kinh doanh	Không tham gia		Không tham gia	Không tham gia
VII CÔNG NGHỆ THÔNG TIN HẠNG III												
1	TT02	Tổng Xuân Lộc	27/09/1981		Bắc Ninh	Công nghệ thông tin hạng III	Đại học	Kỹ sư công nghệ thông tin	82,0		82,0	Trúng tuyển
2	TT01	Huỳnh Quang Đà	09/04/2000		Xã Xà Phiên, TPCT	Công nghệ thông tin hạng III	Đại học	Kỹ sư công nghệ thông tin	52,0		52,0	Không trúng tuyển

Tổng số trúng tuyển: 35 thí sinh